

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2019/HNGĐ-ST

Ngày 05-9-2019

V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái S.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đăng T; Ông Giáp Văn P.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa: Ông Vương Văn P - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/8/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lương Thị S, sinh năm 1991 (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Hà Văn N, sinh năm 1987 (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2019 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Lương Thị S trình bày:

Chị và anh Hà Văn N kết hôn với nhau vào năm 2017. Trước khi cưới có được tự do tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới chị về gia đình anh N làm dâu ngay. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, đến khoảng tháng 07/2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, anh N không quan tâm đến vợ con, vợ chồng bất đồng quan điểm về vấn đề kinh tế và lối sống. Tháng 01/2019 chị bỏ về gia đình bố mẹ đẻ ở và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm với anh N từ đó đến nay. Nay chị thấy vợ

chồng sống ly thân đã lâu, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Hà Văn N.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Hà Thanh T, sinh ngày 29/11/2017. Nay ly hôn nguyện vọng của chị được tiếp tục nuôi con.

- Về vấn đề cấp dưỡng: Chị Lương Thị S yêu cầu anh Hà Văn N phải cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị S xin chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tại bản tự khai bị đơn anh Hà Văn N trình bày: Anh và chị Lương Thị S kết hôn với nhau vào năm 2017, trước khi cưới có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới chị S về gia đình anh làm dâu ngay, tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra mà chỉ có những mâu thuẫn nhỏ nhặt bình thường. Chị S bỏ về gia đình bố mẹ đẻ ở từ tháng 01/2019 đến nay vợ chồng sống ly thân nhau không còn quan hệ tình cảm gì nữa. Nay anh thấy vẫn còn tình cảm với chị S, mong muốn chị S suy nghĩ lại để về đoàn tụ cùng nuôi dạy con, việc chị S xin ly hôn anh không đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Hà Thanh T, sinh ngày 29/11/2017. Vì không đồng ý ly hôn nên về vấn đề con chung anh N không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Nhất trí để chị Lương Thị S chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

Chị Lương Thị S trình bày: Chị giữ nguyên các nội dung đã trình bày theo đơn khởi kiện, bản tự khai có trong hồ sơ vụ án. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Hà Văn N. Về con chung chị đề nghị được nuôi con là Hà Thanh T, sinh ngày 29/11/2017, yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 9/2019 đến khi con đủ 18 tuổi. Về vấn đề tài sản, công nợ chung chị tự thỏa thuận với anh N, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết những vấn đề này.

Bị đơn anh Hà Văn N vẫn giữ nguyên những lời khai có trong hồ sơ vụ án. Anh N xác định trong cuộc sống vợ chồng cũng nhiều lúc xảy ra cãi vã, xô sát nhưng không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng đến mức phải ly hôn, anh khẳng định vẫn còn tình cảm với chị S và mong muốn chị S về đoàn tụ. Việc chị S đề nghị ly hôn thì anh không đồng ý. Về con chung nhất trí để chị S nuôi con là Hà Thanh T, sinh ngày 29/11/2017, vấn đề chị S yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000

đồng/tháng thì anh không đồng ý vì anh không phải là người xin ly hôn. Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Về án phí anh đồng ý để chị S chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý, giải quyết vụ án và việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa của Hội đồng xét xử, thẩm phán chủ tọa và Thư ký Tòa án đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện và chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị S, cho chị Lương Thị S được ly hôn với anh Hà Văn N.

- Về con chung: Giao chị Lương Thị S là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Hà Thanh T, sinh ngày 29/11/2017. Sau khi ly hôn anh Hà Văn N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về vấn đề cấp dưỡng: Buộc anh Hà Văn N phải cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 10/2019 đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Lương Thị S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị Lương Thị S là người có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị và anh Hà Văn N được ly hôn. Bị đơn anh Hà Văn N có địa chỉ cư trú tại thôn T, xã T, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lương Thị S và anh Hà Văn N kết hôn với nhau vào năm 2017, trước khi kết hôn hai bên có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang như vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì xác định được mâu thuẫn giữa chị S – anh N phát sinh vào khoảng cuối năm 2018 đầu năm 2019, nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm về vấn đề tình cảm và việc phát triển kinh tế. Do bất đồng về quan điểm sống cho nên trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra to tiếng, cãi vã. Đỉnh điểm của mâu thuẫn xảy ra vào tháng 01/2019 khi chị S bỏ về gia đình bố mẹ đẻ sinh sống, đồng thời chị S cũng cắt đứt mọi quan hệ tình cảm với anh N kể từ đó đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy thời gian vợ chồng chị S – anh N sống ly thân đã tương đối dài (9 tháng). Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần tiến hành hòa giải cho chị S và anh N nhưng không thành, chị S vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn. Tại phiên tòa hôm nay một lần nữa Hội đồng xét xử đã cố gắng phân tích, giải thích cho các bên nhưng chị S vẫn kiên quyết xin được ly hôn anh N. Qua đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử cho chị Lương Thị S được ly hôn với anh Hà Văn N là phù hợp quy định Luật Hôn nhân và gia đình cũng như nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ và trẻ em được pháp luật bảo vệ.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị Lương Thị S và anh Hà Văn N sinh được một người con chung là Hà Thanh T, sinh ngày 29/11/2017.

Xét đề nghị của chị Lương Thị S về việc được tiếp tục nuôi con thì thấy: Hiện nay con đang ở cùng với chị S, cháu mạnh khỏe và phát triển bình thường. Chị S có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Mặt khác cháu Hà Thanh T vẫn dưới 36 tháng tuổi và việc chị S đề nghị được tiếp tục nuôi con thì anh N cũng nhất trí. Do vậy căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho chị Lương Thị S là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là phù hợp với nguyện vọng của cả hai bên cũng như phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với việc chị Lương Thị S yêu cầu anh Hà Văn N phải cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy yêu cầu này của chị S là chính đáng, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Cần chấp nhận yêu cầu của chị S, buộc anh Hà Văn N phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về mức cấp dưỡng: Căn cứ vào biên bản xác minh tại UBND xã T thể hiện anh Hà Văn N hiện nay làm nghề trồng trọt. Mức thu nhập bình quân theo đầu người tại địa phương từ 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng/người/năm. Tại phiên tòa hôm nay anh Hà Văn N cho biết thời gian vừa qua anh có đi làm thuê (Lái xe, làm công ty ...) với mức thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy với mức thu nhập trên của anh N thì việc buộc anh N phải cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng vẫn đảm bảo cuộc sống cho anh N. Do vậy chấp nhận yêu cầu của chị Lương Thị S, buộc anh Hà

Văn N phải cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng kể từ ngày 01/10/2019 đến khi con Hà Thanh T đủ 18 tuổi.

[5] *Về vấn đề tài sản, công nợ, ruộng canh tác*: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị Lương Thị S đề nghị xin chịu cả tiền án phí dân sự sơ thẩm, anh Hà Văn N cũng nhất trí vấn đề này. Xét thấy đây là sự thỏa thuận của các đương sự, sự thỏa thuận này không trái quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận. Do vậy buộc chị Lương Thị S phải chịu án phí ly hôn và án phí về cấp dưỡng theo quy định tại khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 5; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị S: Cho chị Lương Thị S được ly hôn với anh Hà Văn N.

2. Về con chung: Giao cho chị Lương Thị S là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Hà Thanh T, sinh ngày 29/11/2017.

3. Về cấp dưỡng: Buộc anh Hà Văn N phải cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng trên một tháng) cho chị Lương Thị S. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/10/2019 đến khi con Hà Thanh T đủ 18 tuổi.

Anh Hà Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm của tất cả số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Chị Lương Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng. Xác nhận chị S đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0005480 ngày 20 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn. Chị Lương Thị S còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- UBND xã T, huyện Lục Ngạn;
- Công thông tin điện tử TAND tối cao;
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thái Sơn